

Phụ lục V
Appendix V

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CTY CP XNK THUỶ SẢN
CUU LONG AN GIANG
CUU LONG FISH JOINT
STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số: 02/BCQT-ACL
No: 02/BCQT- ACL

Cửu Long, ngày 27 tháng 07 năm 2026
Cuu Long, month 27 day 07 year 2026

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026)
(FIRST 6 MONTH OF 2026)

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange

- Tên công ty/Name of company: Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cửu Long An Giang/Cuu Long Fish Joint Stock Company.

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Số 90 Hùng Vương, Khóm Mỹ Thọ, P. Long Xuyên, An Giang/90 Hung Vuong Street, Long Xuyen Industrial Zone, An Giang Province.

- Điện thoại/Telephone: 02963 931000 Fax: 02963. 932 446 Email: clfish@vnn.vn

- Vốn điều lệ/Charter capital: 501.590.190.000 đồng (Năm trăm lẻ một tỷ, năm trăm chín mươi triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng/Five hundred one billion, five hundred ninety million, one hundred and ninety thousand dong)

- Mã chứng khoán/Stock symbol: ACL

- Mô hình quản trị công ty/Governance model:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/The implementation of internal audit: Đã thực hiện/Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
01	01/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2026	15/04/2026	Thông qua 11 nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông/ Approval of 11 contents under the authority of the General Meeting of Shareholders.

II. Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2026)/ Board of Directors (First 6 month of 2026):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)Information about the members of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
1	TRẦN THỊ VÂN LOAN	Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board	12/04/2023	-
2	NGUYỄN XUÂN HẢI	P.Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman of the Board	12/04/2023	15/04/2026
3	TRẦN VĂN THẢ	TV HĐQT độc lập/ Independent Board Member	12/04/2023	
4	NGUYỄN THƯƠNG NHẬT VI	Thành viên HĐQT/ Independent Board Member	12/04/2023	
5	LẠI NGỌC KIM NHUNG	Thành viên HĐQT/ Independent Board Member	15/05/2024	
6	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	Thành viên HĐQT/ Independent Board Member	15/04/2026	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	TRẦN THỊ VÂN LOAN	2	100%	
2	NGUYỄN XUÂN HẢI	1	50%	Miễn nhiệm/Dismissal 15/04/2026
3	TRẦN VĂN THẢ	2	100%	
4	NGUYỄN THƯƠNG NHẬT VI	2	100%	
5	LẠI NGỌC KIM NHUNG	2	100%	
6	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	1	50%	Bổ nhiệm/ Appoint 15/04/2026

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors*:

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, HĐQT luôn giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con. Hỗ trợ cho Ban Tổng Giám Đốc và các bộ phận chuyên môn trong việc thực hiện các kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026/*In difficult conditions, the Board of Directors always closely monitors the production and business activities of the Parent Company and its subsidiaries. Support the Board of Directors and specialized departments in implementing production and business plans for 2026.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any)*:

Stt No.	Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ/ <i>Board of Directors' subcommittees</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban kiểm toán nội bộ	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	NGUYỄN TẤN TỚI	Trưởng Ban/ <i>Head of committee</i>	15/05/2024	Bổ nhiệm/ <i>Appoint</i> 15/05/2024
2	PHÙ CHÍ KHAI	Thành viên/ <i>Member</i>	15/05/2024	Bổ nhiệm/ <i>Appoint</i> 15/05/2024
3	NGUYỄN THỊ THANH YẾN THẢO	Thành viên/ <i>Member</i>	15/05/2024	Bổ nhiệm/ <i>Appoint</i> 15/05/2024

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026)/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report 2026)*:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
01	01/NQ-HĐQT	09/02/2026	NQ v/v triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/ <i>Resolution on convening the 2026 annual general meeting of shareholders</i>	100%
02	01/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2026	15/04/2026	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/ <i>Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026)/*Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report 2026)*:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ *Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee*:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Trần Phạm Hoàng Mơi	Trưởng BKS/ <i>Head of committee</i>	Miễn nhiệm/ <i>Dismissal</i> 15/04/2026	Cử nhân kinh tế/ <i>Bachelor of Economics</i>
2	Nguyễn Thị Thu Liên	Trưởng Ban/ <i>Member</i>	Bổ nhiệm/ <i>Appoint</i> 15/04/2026	Cử nhân kinh tế/ <i>Bachelor of Economics</i>
3	Dương Ngọc Diễm	Thành viên/ <i>Member</i>	Bổ nhiệm/ <i>Appoint</i> 12/04/2023	Cử nhân kế toán/ <i>Bachelor of Economics</i>
4	Trần Thị Như Liễu	Thành viên/ <i>Member</i>	Bổ nhiệm/ <i>Appoint</i> 15/04/2026	Cử nhân kế toán/ <i>Bachelor of Economics</i>

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/ *Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee*

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Trần Phạm Hoàng Mơi	01/02	50%	50%	Miễn nhiệm/ <i>Dismissal</i> 15/04/2026
2	Dương Ngọc Diễm	02/02	100%	100%	
3	Nguyễn Thị Thu Liên	02/02	100%	100%	
4	Trần Thị Như Liễu	01/02	50%	50%	Bổ nhiệm/ <i>Appoint</i> 15/04/2026

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ *Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

Theo dõi kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện các kế hoạch đã đề ra trong năm 2026/ *Monitor and supervise the progress of the implementation of the plans set out in 2026.*

Kiểm tra tính chính xác, trung thực các số liệu trong báo cáo tài chính quý, năm/ *Check the accuracy and honesty of the figures in the quarterly and annual financial reports.*

Kiểm tra các chi phí, các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc/ *Check the costs and production and business operations of the Board of Directors.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

Phối hợp với HĐQT về việc tổ chức điều hành Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo qui định của pháp luật và điều lệ/ *Coordinate with the Board of Directors on the organization and operation of the Company in accordance with the functions, duties and powers prescribed by law and the Charter.*

Mục tiêu của Ban kiểm soát là đảm bảo Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc điều hành Công ty trên cơ sở mang lại lợi ích cho Cổ đông và không có sự mâu thuẫn giữa lợi ích cổ đông và lợi ích của Ban điều hành/ *The objective of the Board of Supervisors ensure that Board of Directors and Executive Board of the Company base on the basis of bringing benefits to Shareholders and there is no conflict between the interests of shareholders and the interests of the Board of Directors.*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any): không có*

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /
1	Tổng Giám Đốc/General Director Lại Ngọc Kim Nhung	07/10/1986	Cử nhân Sư phạm Anh Văn/Bachelor of English Education	Bổ nhiệm/ Appoint 25/04/2023
2	P.Tổng Giám Đốc/Vice General Director Trần Tuấn Khanh	30/04/1978	Quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu/Import-export business administration	Bổ nhiệm/ Appoint 24/06/2010
3	P.Tổng Giám Đốc/Vice General Director Nguyễn Thương Nhật Vi	30/09/1996	Tốt nghiệp trường University of Syney chuyên ngành Tài chính và Marketing/Graduated from University of Sydney majoring in Finance and Marketing	Bổ nhiệm/ Appoint 24/03/2022
4	P.Tổng Giám Đốc/Vice General Director Nguyễn Xuân Hải	15/09/1967	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Kỹ sư Điện/Master of Business Administration - Electrical Engineering	Bổ nhiệm/ Appoint 07/12/2023
5	P.Tổng Giám Đốc/Vice General Director Phạm Thị Hồng Ngọc	31/08/1982	Cử nhân Công Nghệ Sinh học Trường Đại Học Khoa Học Tự nhiên TP.HCM/Bachelor of Biotechnology - Ho Chi Minh City University of Science	Bổ nhiệm/ Appoint 18/07/2025

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
TRƯƠNG MINH DUY	1985	Cử nhân kế toán/ Bachelor of Accounting	Bổ nhiệm/ Appoint 02/10/2014

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Corporate governance training courses attended by members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other managers and the Company Secretary in accordance with regulations on corporate governance.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (6 tháng đầu năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report 2026)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company: danh sách đính kèm/ Attached list

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:

S T T N o.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.* <i>date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction s with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHDCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Đông Á	Công ty con/ Subsidiary company	16012 69529	Lô B KCN Bình Long, Xã Bình Long, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang/ <i>Block B, Binh Long Industrial Zone, Binh Long Commune, Chau Phu District, An Giang province, Vietnam</i>	Từ ngày/ From 01/01/2026 đến/ To 31/12/2026	01/HĐMBDA/2026 đến/To 11/HĐMBDA/2025	60.179.518.200	Bán cá nguyên liệu/ <i>Sales of raw fish</i>
2	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Đông Á	Công ty con/ Subsidiary company	16012 69529	Lô B KCN Bình Long, Xã Bình Long, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang/ <i>Block B, Binh Long Industrial Zone, Binh Long Commune, Chau Phu District, An Giang province, Vietnam</i>	Từ ngày/ From 01/01/2026 đến/ From 30/06/2026	01/ĐA-CL/2026	27.867.587.291	Phí gia công, đóng cont, lưu kho/ <i>Processing, container packing, and storage fees</i>
3	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Đông Á	Công ty con/ Subsidiary company	16012 69529	Lô B KCN Bình Long, Xã Bình Long, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang/ <i>Block B, Binh Long Industrial Zone, Binh Long Commune, Chau Phu District, An Giang province, Vietnam</i>	Từ ngày/ From 01/01/2026 đến/To 30/06/2026		1.551.841.089	Lãi cho vay/ <i>Receivables for loan interest</i>
4	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Đông Á	Công ty con/ Subsidiary company	16012 69529	Lô B KCN Bình Long, Xã Bình Long, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang/ <i>Block B, Binh Long Industrial Zone, Binh Long Commune, Chau Phu District, An Giang province, Vietnam</i>	Từ ngày/ From 01/01/2026 đến/To 30/06/2026	01/2026 HD	476.000.000	Bán Thức ăn / <i>Sales of feed</i>
5	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Đông Á	Công ty con/ Subsidiary company	16012 69529	Lô B KCN Bình Long, Xã Bình Long, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang/ <i>Block B, Binh Long Industrial Zone, Binh Long Commune, Chau Phu District, An Giang province, Vietnam</i>	Từ ngày/ From 01/01/2026 đến/To 30/06/2026	01/HĐND.DA- CL-2025	62.850.411.251	Mua cá thành phẩm / <i>Purchase of Finished goods</i>

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: không có/ none*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects: không có/ none*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): không có/ none*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): không có/ none*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: không có/ none*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report 2026)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company: theo danh sách đính kèm/ Attached list*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: không có/ none*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**CHỦ TỊCH HĐQT
TRẦN THỊ VÂN LOAN**

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN/ LIST OF INTERNAL SHAREHOLDERS AND RELATED PERSONS

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng đầu năm 2026, Số 02/BCQT-ACL/Attached to the first 6 month of 2026 Governance Report, No. 02/BCQT-ACL)

VII. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan của công ty đại chúng (6 tháng đầu năm 2026)/ List of internal shareholders and related persons of public companies (the first 6 month of 2026)

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp /Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do/Reason
1	TRẦN THỊ VÂN LOAN		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board						12/04/2023		
1.01	Trần Văn Nhân			Cha/ Father							
1.02	Nguyễn Xuân Hải		Phó Tổng Giám Đốc/Deputy General Director	Chồng Husband							
1.03	Trần Tuấn Khanh		Phó Tổng Giám Đốc Deputy General Manager	Em ruột Younger brother							
1.04	Trần Minh Nhựt			Anh ruột brother							
1.05	Trần Tuấn Nam		Cổ đông Shareholders	Em ruột younger brother							
1.06	Trần Thị Thu Vân		Cổ đông Shareholders	Em ruột younger sister							
1.07	Trần Thị Thúy			Chị ruột Sister							
1.08	Trần Tuấn Khải			Em ruột younger brother							
1.09	Nguyễn Thương Nhật Vi		Thành viên HĐQT Kiểm P. Tổng Giám Đốc/Member of Board of Directors and Deputy General Director	Con/ Daughter							

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with company/member	Số Giấy NSH (*)/NSH No.	Ngày cấp/Date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do/Reason
1.10	Nguyễn Thương Khánh Vy			Con/ Daughter							
1.11	Nguyễn Thị Hoàng Yến			Em dâu/younger sister in law							
1.12	Nguyễn Thị Ngọc Bích		Cổ đông Shareholders	Chị dâu/Sister in law							
1.13	Lê Hữu Lý			Em rẻ/younger brother in law							
1.14	Nguyễn Phú Quý			Anh rể/ brother in law							
1.15	Đỗ Yên Chi			Em dâu/younger sister in law							
2	NGUYỄN XUÂN HAI		Phó Tổng Giám Đốc/Deputy General Director						12/04/2023		
2.01	Trần Thị Vân Loan		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board	Vợ/Wife							
2.02	Nguyễn Thương Nhật Vi		Thành viên HĐQT Kiểm P. Tổng Giám Đốc/Member of Board of Directors and Deputy General Director	Con/ Daughter							
2.03	Nguyễn Thương Khánh Vy			Con/ Daughter							
2.04	Nguyễn Thị Hương Lan			Chị ruột Sister							
2.05	Nguyễn Thị Kim Huệ			Em ruột younger sister							

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/NSH No.	Ngày cấp/Date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do/Reason
2.06	Nguyễn Văn Tuấn			Em ruột younger brother							
2.07	Nguyễn Văn Nam			Em ruột younger brother							
2.08	Nguyễn Văn Hưng			Em ruột younger brother							
2.09	Phan Minh Trí			Em rể/younger brother in law							
2.10	Nguyễn Nhật Thanh			Em							
2.11	Lê Thị Lâm Trinh			dâu/younger sister in law							Không cung cấp/Not provided
2.12	Huỳnh Phước Hiệp			Em							Không cung cấp/Not provided
3	NGUYỄN THUÔNG NHẬT VI		Thành viên HĐQT Kiểm P.Tổng Giám Đốc/Member of Board of Directors and Deputy General Director						12/04/2023		
3.01	Nguyễn Xuân Hải		Phó Tổng Giám Đốc/Deputy General Director	Cha Father							
3.02	Trần Thị Vân Loan		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board	Mẹ Mother							
3.03	Nguyễn Thương Khánh Vy			Em gái Younger sister							

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/NSH No.	Ngày cấp/Date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do/Reason
4	TRẦN VĂN THÁ		Thành viên HĐQT độc lập/Independent Board Member						12/04/2023		
4.01	Trần Hùng Anh			Anh ruột brother							Không cung cấp/Not provided
4.02	Trần Thị Lem			Chị ruột/ Sister							
4.03	Trần Văn Phước			Anh ruột brother							
4.04	Trần Phát Minh			Anh ruột brother							
4.05	Trần Văn Cảnh			Anh ruột brother							
4.06	Trần Kim Phượng			Em ruột/ younger sister							
4.07	Trần Văn Út			Em ruột/ younger brother							
4.08	Trần Thanh Thảo			Vợ/Wife							
4.09	Trần Thanh Châu			Con/ Daughter							Sinh năm/ Born in 2011
4.10	Trần Thanh Ngân			Con/ Daughter							
4.11	Hà Thị Cúc			Em dẫu/ sister in law							Không cung cấp/Not provided
4.12	Nguyễn Kim Trang			Chị dẫu/ sister in law							Không cung cấp/Not provided
4.13	Võ Văn Khanh			Em rể/ brother in law							Không cung cấp/Not provided
4.14	Nguyễn Thị Giữa			Chị dẫu/ sister in law							Không cung cấp/Not provided

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/NSH No.	Ngày cấp/Date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do/Reason
4.15	Hồ Thị Phương			Chị dâu/ Sister in law							Không cung cấp
4.16	Lê Mộng Tiền			Chị dâu/ sister in law					25/04/2023		
5	LAI NGOC KIM NHUNG		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Member of Board of Directors and General Director								
5.01	Lê Thị Yến			Mẹ/Mother							Sinh năm Born in 2014
5.02	Lê Phước An			Chồng/ Husband							
5.03	Lê Phước Khang			Con/Son					07/06/2010		
6	Trần Tuấn Khanh		Phó Tổng Giám Đốc Deputy General Manager								
6.01	Trần Văn Nhân			Cha Father							
6.02	Nguyễn Thị Hoàng Yến			Vợ/Wife							
6.03	Trần Thị Vân Loan		Chủ Tịch HĐQT/Chairman of the Board	Chị ruột/ Sister							
6.04	Trần Minh Nhật			Anh ruột/ brother							
6.05	Trần Tuấn Nam		Cổ đông Shareholders	Anh ruột/ brother							
6.06	Trần Thị Thu Vân		Cổ đông Shareholders	Em ruột/ younger sister							
6.07	Trần Thị Thúy			Chị ruột/ Sister							
6.08	Trần Tuấn Khải			Em ruột/ younger brother							

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp /Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do/Reason
6.09	Nguyễn Xuân Hải		Phó Tổng Giám Đốc/Deputy General Director	Anh rể/ brother in law							Sinh năm Born in 2015
6.10	Trần Tuấn Minh			Con/Son							Sinh năm Born in 2017
6.11	Trần Yến Trâm			Con/ Daughter							
6.12	Nguyễn Thị Ngọc Bích		Cổ đông Shareholders	Chị dâu/ Sister in law							
6.13	Lê Hữu Lý			Em rể/ younger brother in law							
6.14	Nguyễn Phú Quý			Anh rể/ brother in law							
6.15	Đỗ Yên Chi			Em dâu/ younger sister in law							
7	TRẦN PHẠM HOÀNG MÔI		Trưởng Ban kiểm soát Head of Supervisory Board						12/04/2023	15/04/2026	Miễn nhiệm
7.01	Trần Văn Nay			Cha/ Father							
7.02	Phạm Thị Diệu			Mẹ/ Mother							
7.03	Trần Phạm Bội Ngọc			Em ruột/ younger sister							
7.04	La Vi Hiền			Em rể/ younger brother in law							
8	NGUYỄN THỊ THU LIÊN		Thành viên Ban kiểm soát Board of Supervisors						12/04/2023		
8.01	Nguyễn Văn Út			Cha/ Father							

[illegible]

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with company/inside	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp /Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do/Reason
10.08	Đổng Hải Đăng			Con/Son							Sinh năm Born in 2016
10.09	Đỗ Thị Nhi			Em dâu/ younger sister in law							
11	TRƯƠNG MINH DUY		Kế toán trưởng Chief Accountant						02/10/2014		
11.1	Trương Minh Hoàng			Cha Father							
11.2	Ngô Thị Rành			Mẹ/ Mother							
11.3	Trương Minh Vũ			Anh ruột brother							
11.4	Trương Minh Vinh			Anh ruột brother							
11.5	Đặng Thị Thúy Nga			Vợ/Wife							
11.6	Trương Đặng Minh Khang			Con/Son							Sinh năm Born in 2013
12	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC		Thành viên HĐQT/Người phụ trách quản trị/Kiểm Phó Tổng Giám Đốc/ Member of Board of Directors/ Administrator and Deputy General Director								
12.1	Võ Ngọc Nam			Cha Father							
12.2	Phạm Ngọc Đồng			Mẹ/Mother							
13	PHAN THỊ THUY DƯƠNG		Công bố thông tin Information Disclosure						24/09/2018		
13.1	Phan Văn Bo			Cha Father							
13.2	Nguyễn Thị Huệ			Mẹ/Mother							

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/ Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp /Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do/Reason
13.3	Phan Thị Bé Ba			Em ruột/ Younger sister							
13.4	Phan Thị Bé Tư			Em ruột/ Younger sister							
13.5	Nguyễn Hà Minh Tiên			Chồng/ Husband							
13.6	Trần Thanh Tiên			Em rể/ Younger brother in law							

✓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

12



CHỦ TỊCH HĐQT
TRẦN THỊ VÂN LOAN

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/Share transactions of internal persons and their affiliated persons

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng đầu năm 2026, Số 02/BCQT-ACL/Attached to the first 6 month of 2026 Governance Report, No. 02/BCQT-ACL)

VIII. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan của công ty đại chúng (6 tháng đầu năm 2026)/ List of internal shareholders and related persons of public companies (the first 6 month of 2026)

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp/Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period	Lý do/ Reason
1	TRẦN THỊ VĂN LOAN		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board						27.500.000	54,83%	
1.01	Trần Văn Nhân			Cha/ Father							
1.02	Nguyễn Xuân Hải		Phó Tổng Giám Đốc/Deputy General Director	Chồng/ Husband					1.041.700	2,07%	
1.03	Trần Tuấn Khanh		Phó Tổng Giám Đốc Deputy General Manager	Em ruột/ Younger brother					1.374.759	2,74%	
1.04	Trần Minh Nhứt			Anh ruột/ brother							
1.05	Trần Tuấn Nam		Cổ đông Shareholders	Em ruột/ younger brother					1.315.359	2,62%	
1.06	Trần Thị Thu Văn		Cổ đông Shareholders	Em ruột/ younger sister					2.315.359	4,61%	
1.07	Trần Thị Thúy			Chị ruột/ Sister							
1.08	Trần Tuấn Khải			Em ruột/ younger brother							
1.09	Nguyễn Thương Nhật Vi		Thành viên HĐQT Kiểm P. Tổng Giám Đốc/Member of Board of Directors and Deputy General Director	Con/ Daughter					2.989.950	5,96%	

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp/Date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu cuối kỳ/Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period	Lý do/Reason
1.10	Nguyễn Thương Khánh Vy			Con/ Daughter							
1.11	Nguyễn Thị Hoàng Yến			Em dâu/ younger sister in law							
1.12	Nguyễn Thị Ngọc Bích		Cổ đông Shareholders	Chị dâu/ Sister in law					4.400	0,01%	
1.13	Lê Hữu Lý			Em rể/ younger brother in law							
1.14	Nguyễn Phú Quý			Anh rể/ brother in law							
1.15	Đỗ Yên Chi			Em dâu/ younger sister in law							
2	NGUYỄN XUÂN HẢI		Phó Tổng Giám Đốc/Deputy General Director						1.041.700	2,07%	
2.01	Trần Thị Vân Loan		Chủ Tịch HĐQT/Chairman of the Board	Vợ/Wife					27.500.000	54,83%	
2.02	Nguyễn Thương Nhật Vi		Thành viên HĐQT Kiểm P. Tổng Giám Đốc/Member of Board of Directors and Deputy General Director	Con/ Daughter					2.989.950	5,96%	

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp /Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period	Lý do/ Reason
2.03	Nguyễn Thương Khánh Vy			Con/ Daughter							
2.04	Nguyễn Thị Hương Lan			Chị ruột/ Sister							
2.05	Nguyễn Thị Kim Huệ			Em ruột/ younger sister							
2.06	Nguyễn Văn Tuấn			Em ruột/ younger brother							
2.07	Nguyễn Văn Nam			Em ruột/ younger brother							
2.08	Nguyễn Văn Hưng			Em ruột/ younger brother							
2.09	Phan Minh Trí			Em rể/ young brother in law							
2.10	Nguyễn Nhật Thanh			Em dâu/ younger sister in law							
2.11	Lê Thị Lâm Trinh			Em dâu/ younger sister in law							Không cung cấp/Not provided
2.12	Huỳnh Phước Hiệp			Anh rể/ brother in law							Không cung cấp/Not provided

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp /Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period	Lý do/ Reason
3	NGUYỄN THƯỜNG NHẬT VI		Thành viên HĐQT Kiêm P.Tổng Giám Đốc/Member of Board of Directors and Deputy General Director						2.989.950	5,96%	
3.01	Nguyễn Xuân Hải		Phó Tổng Giám Đốc/Deputy General Director	Cha/ Father					1.041.700	2,07%	
3.02	Trần Thị Vân Loan		Chủ Tịch HĐQT/Chairman of the Board	Mẹ/ Mother					27.500.000	54,83%	
3.03	Nguyễn Thương Khánh Vy			Em gái/ Younger sister							
4	TRẦN VĂN THÁ		Thành viên HĐQT độc lập/Independent Board Member								
4.01	Trần Hùng Anh			Anh ruột/ brother							Không cung cấp/Not provided
4.02	Trần Thị Lem			Chị ruột/ Sister							
4.03	Trần Văn Phước			Anh ruột/ brother							
4.04	Trần Phát Minh			Anh ruột/ brother							
4.05	Trần Văn Cảnh			Anh ruột/ brother							
4.06	Trần Kim Phượng			Em ruột/ younger sister							
4.07	Trần Văn Út			Em ruột/ younger brother							
4.08	Trần Thanh Thảo			Vợ/Wife							

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp /Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period	Lý do/ Reason
4.09	Trần Thanh Châu			Con/ Daughter							Sinh năm/ Born in 2011
4.10	Trần Thanh Ngân			Con/ Daughter							
4.11	Hà Thị Cúc			Em dâu/ sister in law							Không cung cấp/Not provided
4.12	Nguyễn Kim Trang			Chị dâu/ sister in law							Không cung cấp/Not provided
4.13	Võ Văn Khanh			Em rể/ brother in law							Không cung cấp/Not provided
4.14	Nguyễn Thị Giữa			Chị dâu/ sister in law							
4.15	Hồ Thị Phương			Chị dâu/ sister in law							Không cung cấp/Not provided
4.16	Lê Mộng Tiền			Chị dâu/ sister in law							
5	LẠI NGỌC KIM NHUNG		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Member of Board of Directors and General Director								
5.01	Lê Thị Yến			Mẹ/Mother							
5.02	Lê Phước An			Chồng/ Husband							Sinh năm/ Born in 2014
5.03	Lê Phước Khang			Con/Son							
6	Trần Tuấn Khanh		Phó Tổng Giám Đốc Deputy General Manager						1.374.759	2,74 %	
6.01	Trần Văn Nhân			Cha/ Father							

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp/Date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu cuối kỳ/Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period	Lý do/Reason
6.02	Nguyễn Thị Hoàng Yến			Vợ/Wife							
6.03	Trần Thị Vân Loan		Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board	Chị ruột/Sister					27.500.000	54,83%	
6.04	Trần Minh Nhật			Anh ruột/brother							
6.05	Trần Tuấn Nam		Cổ đông Shareholders	Anh ruột/brother					1.315.359	2,62%	
6.06	Trần Thị Thu Vân		Cổ đông Shareholders	Em ruột/younger sister					2.315.359	4,61%	
6.07	Trần Thị Thúy			Chị ruột/Sister							
6.08	Trần Tuấn Khải			Em ruột/younger brother							
6.09	Nguyễn Xuân Hải		Phó Tổng Giám Đốc/Deputy General Director	Anh rể/brother in law					1.041.700	2,07%	Sinh năm Born in 2015
6.10	Trần Tuấn Minh			Con/Son							Sinh năm Born in 2017
6.11	Trần Yến Trâm			Con/Daughter							
6.12	Nguyễn Thị Ngọc Bích		Cổ đông Shareholders	Chị dâu/Sister in law					4.400	0,01%	
6.13	Lê Hữu Lý			Em rể/younger brother in law							
6.14	Nguyễn Phú Quý			Anh rể/brother in law							
6.15	Đỗ Yên Chi			Em dâu/younger sister in law							

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp /Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period	Lý do/ Reason
7	TRẦN PHẠM HOÀNG MÔI		Trưởng Ban kiểm soát Head of Supervisory Board								
7.01	Trần Văn Nay			Cha/ Father							
7.02	Phạm Thị Diệu			Mẹ/Mother							
7.03	Trần Phạm Bội Ngọc			Em ruột/ younger sister							
7.04	La Vi Hiền			Em rể/ younger brother in law							
8	NGUYỄN THỊ THU LIÊN		Thành viên Ban kiểm soát Board of Supervisors								
8.01	Nguyễn Văn Út			Cha/ Father							
8.02	Huỳnh Thị Dung			Mẹ/Mother							
8.03	Nguyễn Thị Diệu Hiền			Chị ruột/ Sister							
8.04	Lương Hoàng Vĩnh Phát			Anh rể/ brother in law							
8.05	Nguyễn Huỳnh Tý			Em ruột/ younger brother							
9	TRẦN THỊ NHƯ LIÊU										
9.01	Trần Sĩ Phan			Cha/ Father							
9.02	Nguyễn Thị Như Hiền			Mẹ/ Mother					660	0,0013%	
9.03	Trần Quang Vinh			Em trai							

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp /Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period	Lý do/ Reason
9.04	Bùi Tuấn Thanh			Chồng							
10	DƯƠNG NGỌC DIỄM		Thành viên Ban kiểm soát Board of Supervisors								
10.01	Dương Văn Nước			Cha/ Father							
10.02	Trần Kim Chanh			Mẹ/Mother							
10.03	Dương Thị Ngọc Mỹ			Em ruột/ Younger sister							
10.04	Dương Lập Đức			Em ruột/ Younger brother							
10.05	Dương Thị Ngọc Trâm			Em ruột/ Younger sister							
10.06	Đông Văn Phong			Chồng/ Husband							Sinh năm Born in 2013
10.07	Đông Phương Nghi			Con/ Daughter							Sinh năm Born in 2016
10.08	Đông Hải Đăng			Con/Son							
10.09	Đỗ Thị Nhi			Em dâu/ younger sister in law							
11	TRƯƠNG MINH DUY		Kế toán trưởng Chief Accountant								
11.1	Trương Minh Hoàng			Cha/ Father							
11.2	Ngô Thị Rảnh			Mẹ/Mother							
11.3	Trương Minh Vũ			Anh ruột brother							
11.4	Trương Minh Vĩnh			Anh ruột brother							

STT	Họ tên/Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ/ Relationship with company/insider	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp /Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period	Lý do/ Reason
11.5	Đặng Thị Thủy Nga			Vợ/Wife					440	0,0008%	Sinh năm Born in 2013
11.6	Trương Đăng Minh Khang			Con/Son							
12	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC		Thành viên HĐQT/Người phụ trách quản trị/Kiểm Phó Tổng Giám Đốc/ Member of Board of Directors/ Administrator and Deputy General Director						6.600	0,0132%	
12.1	Võ Ngọc Nam			Cha Father							
12.2	Phạm Ngọc Đông			Mẹ/Mother							
13	PHAN THỊ THÙY DƯƠNG		Công bố thông tin Information Disclosure								
13.1	Phan Văn Bo			Cha/ Father							
13.2	Nguyễn Thị Huệ			Mẹ/Mother							
13.3	Phan Thị Bé Ba			Em ruột/ Younger sister							
13.4	Phan Thị Bé Tư			Em ruột/ Younger sister							
13.5	Nguyễn Hà Minh Tiến			Chồng/ Husband							
13.6	Trần Thanh Tiên			Em rể/ Younger brother in law							



ĐỒNG QUẢN TRỊ

N. N. H. VAN LOAN